TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1149/2024/HC-PT
Ngày 22-10-2024
V/v "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 621/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2024/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2998/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1977. Nơi thường trú: Tổ 2 ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981. Nơi thường trú: Tổ B, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn Q, Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D đường C, Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố P; (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm N. Địa chỉ: Số E N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Giám đốc; (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Quốc D là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: Ngày 14/3/2022 ông Nguyễn Quốc D nhận chuyển nhượng diện tích 1.550m^2 đất và thành quả lao động gắn liền với đất tại ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang từ ông Trần Đình Đ. Nguồn gốc diện tích đất này nằm trong diện tích đất 20.000m^2 do ông Tô Bá L khai khẩn năm 1985 và chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Tiến T2 (Nguyễn Văn M) và ông Trần Đình Đ lập văn bản thỏa thuận vào ngày 30/11/2021. Sau khi nhận chuyển nhượng, các bên đã bàn giao đất, phân định ranh giới rõ ràng.

Ngày 17/11/2022 ông D nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5799/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND thành phố P về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đất nông thôn.

Ông Nguyễn Quốc D rằng, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc D là không xem xét toàn diện, khách quan sự việc, gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Bởi thửa đất ông D đang sử dụng, bị xử phạt vi phạm hành chính có nguồn gốc, quá trình sử dụng rõ ràng, không tranh chấp đất và lấn chiếm đất của ai.

Ông Nguyễn Quốc D yêu cầu giải quyết, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5799/QĐ-XPHC ngày 17/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Tại Văn bản số 417/UBND-NCPC ngày 13 tháng 3 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 5799/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 11 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 19/10/2022, Công chức Địa chính – Xây dựng UBND xã C đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 1.283,6m^2 do ông Nguyễn Quốc D chiếm tại ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Toàn bộ diện tích ông Nguyễn Quốc D chiếm nằm trong Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban Q1 để xây dựng Công trình Hồ C tại xã C, huyện P (nay là Trung tâm

Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của UBND tỉnh K).

Căn cứ vào Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K và kết quả kiểm tra thực tế vị trí diện tích đất ông Nguyễn Quốc D đang sử dụng là không hợp pháp do diện tích đất vi phạm nằm trong Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K.

Vì vậy, Công chức Địa chính – Xây dựng UBND xã C tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc D. Theo Biên bản vi phạm hành chính số 210/BB-VPHC lập ngày 19/10/2022 và Biên bản xác minh tình tiết số 231/BB-XM ngày 08/11/2022 của UBND xã C thể hiện ông Nguyễn Quốc D thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp (đất thủy lợi) tại khu vực nông thôn, với diện tích 1.283,6m^2. Trên diện tích đất vi phạm ông Nguyễn Quốc D xây dựng một căn nhà với diện tích 169,1 m^2 (kết cấu căn nhà: bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp ngói). Vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Trong Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập biên bản người vi phạm có mặt tại nơi vi phạm.

Theo điểm c khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định: Trường hợp người vi phạm có mặt nhưng từ chối nhận biên bản, thì việc giao biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành, cụ thể: *"...Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao...."*.

Vì vậy, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã C đã lập Biên bản về việc không nhận Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản xác minh tình tiết, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã C.

Việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5799/QĐ-XPHC ngày 17/11/2022, về thẩm quyền ban hành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về trình tự thủ tục ban hành là phù hợp theo quy định tại Điều 57, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về nội dung là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Theo đó, đề nghị giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D, đồng thời giữ nguyên Quyết định số 5799/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Tại Văn bản số 973/TTN-QLCLNTT ngày 21/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm N trình bày:

1. Các loại giấy tờ có liên quan đến khu đất.

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-DTXDCB ngày 15/11/1999 của Bộ trưởng Bộ N1 về phê duyệt dự án khả thi hồ nước D - Đảo N, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 12/10/2000 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt dự toán phương án đền bù thiệt hại đất đai, hoa màu, vật kiến trúc, trợ cấp di dời, trợ cấp ổn định cuộc sống để giải tỏa, giải phóng mặt bằng xây dựng quy hoạch hồ chứa nước Dương Đ1. Địa điểm ấp B, xã C.

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban Q1 để xây dựng Công trình Hồ C tại xã C, huyện P.

Công văn số 207/CV-UB ngày 02/5/2002 của UBND tỉnh K về việc tiếp nhận bàn giao và quản lý Hồ chứa nước Dương Đ1. Quyết định số 01/QĐ-NN ngày 18/5/2003 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K về việc thành lập Tổ tiếp nhận hồ sơ chứa nước D - P.

2. Nguồn gốc đất.

Toàn bộ phần diện tích đất 1.550,4m^2 nằm trong phần diện tích 54.203m^2 (thuộc Bãi vật liệu E) của Công trình Hồ nước D - P đã được UBND tỉnh K thu hồi tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K. Hồ chứa nước Dương Đ1 được Bộ N1 đầu tư xây dựng từ năm 1999, tại ấp B xã C hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2002 có tổng diện tích:

+ Diện tích xây dựng lòng Hồ: 565.823m^2

+ Diện khu vực công trình đầu mối: 187.735m^2

+ Diện tích bãi vật liệu D=35.347m^2; E = 54.203m^2

+ Diện tích tuyến kinh dẫn nước: 36.800m^2

Sau khi xây dựng xong UBND tỉnh giao cho Công ty C1 (nay là Trung Tâm N) quản lý vận hành tưới tiêu cho nhân dân và cấp nước tho cho Công ty TNHH một thành viên C2 xử lý cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn huyện P.

Quá trình quản lý, vận hành Hồ chứa nước Dương Đông việc quản lý đất đai không được chặt chẽ để nhiều hộ dân vào bao chiếm, san lập mặt bằng, xây dựng nhà cửa, sang nhượng đất đai trái pháp luật, ... kéo dài từ năm 2003 cho đến nay. Sự việc trên Trung tâm đã nhiều lần báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND thành phố P nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Trong các hộ bao chiếm đất khu bãi chứa vật liệu E có hộ ông Tô Bá L con của bà Nguyễn Kim H1 bao chiếm diện tích khoảng 16.000m^2. Hiện nay ông Tô

Bá L phân lô, chuyển nhượng lại cho nhiều người sang lấp mặt bằng, xây cất nhà trái phép (trong đó có ông Nguyễn Quốc D). Khi ông D san lấp mặt bằng, xây cất nhà Trung tâm đã báo cáo UBND xã C ngăn chặn 3+và bào cáo UBND thành phố P, UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Với cơ sở trên, Trung tâm xác nhận toàn bộ phần diện tích đất 1.550,4m^2 tọa lạc tại ấp B, xã C, thành phố P mà ông ông Nguyễn Quốc D cho rằng do mình làm chủ nằm trong phần diện tích mà UBND tỉnh đã thu hồi vào năm 2002 để xây dựng công trình Hồ nước D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2024/HC-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D: Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5799/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5799/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Phần đất 1.550,4m^2 ông D sử dụng bị xử phạt có nguồn gốc do ông D nhận chuyển nhượng bằng giấy tay nhưng đến hiện nay vẫn chưa có quyết định thu hồi đất, Biên bản vi phạm ghi chiếm đất nông nghiệp tại nông thôn nhưng quyết định xử phạt ghi đất phi nông nghiệp là không đúng, do đó đề nghị sửa án sơ thẩm hủy quyết định hành chính 5799 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Ông L có phần đất liền kề nhưng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ông Nguyễn Quốc D kháng cáo cho rằng Diện tích đất 1.283,6m^2 ông bị xử phạt vi phạm hành chính nằm trong diện tích đất 1.550m^2 do ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Đ ngày 14/3/2022, phần đất này có nguồn gốc của cụ Nguyễn Kim H1 khai khẩn từ năm 1985, năm 2001 cụ H1 cho con trai là Tô Bá L quản lý, sử dụng, năm 2021 ông L chuyển nhượng lại cho ông Đ, rõ ràng nguồn gốc đất của bà H1 chưa bị thu hồi. Bà H1 được bồi thường 400m^2 được cấp sổ đỏ trong phần 9.855m^2, phần chuyển nhượng cho ông D chưa được cấp sổ nên chưa bồi thường, chứng cứ là Biên bản chi trả tiền bồi hoàn thiệt hại đất đai ngày 20/11/2000. Do đó, ông D không có lấn chiếm đất nhà nước; trong biên bản vi phạm ghi chiếm đất nông nghiệp tại nông thôn và quyết định xử phạt ghi khác nhau là chiếm đất phi nông nghiệp tại nông thôn nhưng đều sai vì chỉ có Ủy ban nhân dân có thẩm quyền thu hồi đất mới có thẩm quyền xác định loại đất; cho đến hiện nay, người bị kiện vẫn chưa có quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Kim

H1. Mặt khác, cùng hành vi như ông D gồm ông Phạm Văn H2, ông Nguyễn Minh C sử dụng đất tương tự cũng bị Chủ tịch xử phạt hành chính nhưng 02 vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đề xử hủy quyết định xử phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện trình bày: Phần đất ông Nguyễn Quốc D lấn chiếm có diện tích 1.283,6m^2 ông D bị xử phạt vi phạm hành chính có nguồn gốc của bà Nguyễn Kim H1 nhưng đã được Nhà nước thu hồi tại Quyết định số 1478 ngày 24/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và theo hồ sơ đền bù bà H1 đã nhận tiền đền bù, vị trí đất thuộc bãi vật liệu E. Đối với biên bản vi phạm hành chính ghi chiếm đất nông nghiệp tại nông thôn nhưng sau đó qua xác minh đã rõ là đất phi nông nghiệp nên xác định lại và quyết định xử phạt ghi cho đúng là chiếm đất phi nông nghiệp tại nông thôn là có căn cứ, đúng thẩm quyền. Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm. Đối với 02 vụ hành chính của ông Phạm Văn H2 và Nguyễn Minh C Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử không đúng, đang chờ giải quyết phúc thẩm. Đối với khu vực đất giao dự án đã bị nhiều hộ lấn chiếm rất phức do công tác quản lý thiếu chặt chẽ, hộ bà H1 đã được bồi thường đầy đủ có diện tích có cấp sổ đỏ và phần đất chưa được cấp trong biên bản chi trả cho bà H1 có ghi rõ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Phần đất ông Nguyễn Quốc D lấn chiếm có diện tích 1.283,6m^2 ông D bị xử phạt vi phạm hành chính có nguồn gốc của bà Nguyễn Kim H1 nhưng đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường. Ông D cho rằng việc ban hành quyết định xử phạt không đúng nhưng việc ông D xây dựng nhà, quản lý, sử dụng đất trên phần đất không thuộc quyền của mình, không có giấy tờ gì hợp pháp về đất đai nên việc xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là có căn cứ. Tuy việc lập biên bản vi phạm hành chính ban đầu ghi không chính xác về loại đất nhưng sau đó đã xác minh làm rõ và quyết định hành chính ban hành đúng, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc D được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, hợp lệ nên được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự vắng mặt và xin vắng mặt đã được tống đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 5799/QĐ-XPHC ngày 17/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc D. Đây là quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ngày 18/9/2023, ông Nguyễn Quốc D khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy quyết định nêu trên trong thời hạn chưa quá 01 năm nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và trong thời hạn khởi kiện được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo căn cứ quy định tại Điều 4, 28, 30, 38, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ.

[3.2] Về nội dung: Ông Nguyễn Quốc D kháng cáo cho rằng diện tích đất 1.283,6m^2 ông bị xử phạt vi phạm hành chính nằm trong diện tích đất 1.550m^2 do ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Đ ngày 14/3/2022, phần đất này có nguồn gốc của cụ Nguyễn Kim H1 khai khẩn từ năm 1985, năm 2001 cụ H1 cho con trai là Tô Bá L quản lý, sử dụng, năm 2021 ông L chuyển nhượng lại cho ông Đ. Do đó, ông không có lấn chiếm đất Nhà nước; trong biên bản vi phạm ghi chiếm đất nông nghiệp tại nông thôn và quyết định xử phạt ghi khác nhau là chiếm đất phi nông nghiệp tại nông thôn nhưng đều sai vì chỉ có Ủy ban nhân dân có thẩm quyền thu hồi đất mới có thẩm quyền xác định loại đất; cho đến hiện nay người bị kiện vẫn chưa có quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Kim H1. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Xét nguồn gốc đất và hành vi vi phạm hành chính:

Toàn bộ phần diện tích đất 1.550,4m^2 nằm trong phần diện tích 54.203m^2 (thuộc Bãi vật liệu E) của Công trình Hồ nước D - P đã được UBND tỉnh K thu hồi tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của UBND tỉnh K và giao đất cho Ban Q1 để xây dựng công trình Hồ C, tại xã C, huyện P. Và Công văn số 207/CV-UB ngày 02/5/2002 của UBND tỉnh K về việc tiếp nhận bàn giao và quản lý Hồ chứa nước Dương Đ1. Quyết định số 01/QĐ-NN ngày 18/5/2003 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K về việc thành lập Tổ tiếp nhận hồ sơ chứa nước D - P. Căn cứ Hồ sơ kiểm kê xác minh diện tích đất đai, vật kiến

trúc cây trồng ngày 20/6/2000 đối với chủ hộ ông/bà Nguyễn Kim H1, Danh sách chi trả tiền bồi hoàn đất đai cho bà Nguyễn Kim H1 tổng cộng: 75.354.600đồng, bà H1 đã ký nhận tiền (BL 55-59). Như vậy, việc thu hồi đất và giao cho Ban Q1 quản lý để xây dựng hồ chứa nước Dương Đ1 đã hoàn thành, việc gia đình bà H1 chuyển nhượng cho người khác nếu có, và việc ông nhận chuyển nhượng lại bằng giấy tay không có công chứng, chứng thực tiếp tục sử dụng là không hợp pháp. Ông D không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do đó, ông D đã có hành vi: *".... ngày 19/10/2022 phát hiện ông Nguyễn Quốc D chiếm đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý) với diện tích 1.283,6m^2.... ông Nguyễn Quốc D đang xây dựng một căn nhà với diện tích 169,1m^2 (kết cấu căn nhà: Nhà bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp ngói."* là hành vi vi phạm pháp luật hành chính về lĩnh vực đất đai bị cấp có thẩm quyền lập biên bản vi phạm là có cơ sở. Mặt khác, căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ không quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quyết định thu hồi đất. Và tại khoản 2 Công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ T3 có nội dung *"Trường hợp Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quyết định thu hồi đất trước Luật Đất đai năm 2003 nhưng việc bồi thường chậm thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng không phải ban hành quyết định thu hồi đất với hộ gia đình, cá nhân,..."*. Ông D và Luật sư bảo vệ cho rằng không có hành vi chiếm đất và đất này của bà Nguyễn Kim H1 và ông Tô Bá L khai khẩn năm 1985 đến năm 2021 chuyển nhượng cho ông Trần Đình Đ, năm 2022 ông Đ chuyển nhượng cho ông D, phần đất này đến nay chưa bị thu hồi, phần bồi thường thu hồi là phần đất được cấp sổ đỏ là không có căn cứ.

[3.2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính: Biên bản vi phạm hành chính số 210/BB-VPHC được Công chức địa chính thuộc UBND xã G lập ngày 19/10/2022 đối với ông Nguyễn Quốc D về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp khi đang thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn xã C là thực hiện đúng thẩm quyền quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý phạm hành chính và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5799/QĐ-XPHC ngày 17/11/2022 đối với Nguyễn Quốc D căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 210/BB-VPHC ngày 19/10/2022 và xác định loại đất 1.283,6m^2 ông D chiếm được xác định đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, phù hợp với quy hoạch Hồ chứa nước là diện tích Bãi chứa vật liệu, thì không làm thay đổi bản chất vụ việc về hành vi ông D chiếm đất Bãi chứa vật liệu Hồ chứa nước Dương Đ1 (loại đất nông nghiệp hay phi nông nghiệp tại nông thôn), nên Chủ tịch UBND thành

phố P áp dụng hình thức phạt chính là phạt tiền 70.000.000 đồng là mức phạt tiền phù hợp với quy định tại Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, ông Nguyễn Quốc D kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc D và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Quốc D không được chấp nhận nên căn cứ theo Điều 349 Luật Tố tụng hành chính, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2024/HC-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ: Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 23, 38, 58, 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D:

Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5799/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc D phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006310 ngày 28/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang là đủ.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (17b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh